

**--TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phan Đắc L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Vinh trình bày:

Bà V và ông L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2007 tại UBND thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường có mâu thuẫn, tuy nhiên những mâu thuẫn nhỏ vẫn có thể hòa hợp. Cách đây 02 năm là từ khoảng tháng 10 năm 2019 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là về vấn đề tiền bạc. Bà V mở xưởng may và có cho người khác vay gần 1.000.000.000 đồng, việc bà V cho vay tiền ông L biết và đồng ý. Nhưng sau đó người vay tiền không trả tiền

dù nhiều lần bà V và ông L đòi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất hòa, ông L chì chiết, chửi bới xúc phạm bà V. Đồng thời do bà V mở xưởng may làm ăn thua lỗ gần 1.000.000.000 đồng, việc này góp phần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Ông L thường xuyên chì chiết, chửi bới bà V thậm chí còn bạo hành đánh bà V nhưng bà V không báo chính quyền địa phương về việc bị ông L bạo hành. Trong cách giao tiếp vợ chồng hàng ngày ông L xưng hô với bà V là mày tao và tỏ thái độ coi thường bà V, bà V nhiều lần góp ý nhưng ông L không thay đổi. Chính những điều tưởng nhỏ nhặt này đã làm tình cảm của bà V với ông L ngày càng mất đi. Bà V đã 03 lần đem đơn ly hôn tới Tòa án nhưng bà V không nộp vì muốn hàn gắn gia đình nên lại đem đơn về. Đến nay vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, chung sống với nhau mà chỉ toàn chì chiết, đay nghiến nhau vô cùng mệt mỏi, bà V không còn tình cảm với ông L nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông L. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông L đã được Tòa án triệu tập nhưng không chịu lên tham gia giải quyết, điều này cho thấy ông L không hề muốn hàn gắn với bà V. Tòa án giải quyết cho bà V ly hôn là giải thoát cho bà V thì bà V mới yên ổn sống để nuôi con.

Về con chung : Bà V và ông L có 02 con chung là cháu Phan Trần Tuyết V1, sinh ngày 29/01/2009 và cháu Phan Trần Đắc L1, sinh ngày 10/10/2016.

Theo đơn khởi kiện bà V yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên cháu V1 muốn sống với ông L nên bà V đồng ý giao cháu V1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng ; bà V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1; bà V và ông L không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà V mở quán cà phê nước giải khát tên Chip ở số 10D đường DB 4, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát buôn bán thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/01 tháng đủ khả năng kinh tế nuôi cháu L1.

Về tài sản chung, nợ chung : Bà V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Đắc L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông L và bà V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2007 tại UBND thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian vợ chồng chung sống tuy có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng nào cũng thường gặp. Về mâu thuẫn vợ chồng thực tế chỉ phát sinh 02 năm gần đây từ năm 2019 đến nay mà nguyên nhân về tiền bạc. Bà V cho người khác vay gần 1.000.000.000 đồng người vay này có thể chấp cho bà V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Việc bà V cho người này vay tiền thì ông L có biết. Tuy nhiên sau đó người này chưa trả tiền nhưng bà V lại đưa sổ đỏ cho người đó, từ đó người này không chịu trả tiền dẫn đến vợ chồng vướng mắc nợ nần phải bán nhà để trả nợ. Tuy nhiên vợ chồng cũng cố gắng trả nợ mọi thứ đã dần ổn định, vợ chồng đang dần dần trả nợ ổn định cuộc sống. Vì khó khăn về tiền bạc nên vợ chồng cũng có cãi vã nhau nhưng không đến mức phải ly hôn. Vợ chồng vẫn đang còn chung sống với nhau không có gì mâu thuẫn trầm trọng

đến mức phải ly hôn. Tình cảm của ông L đối với bà V vẫn còn, ông L không đồng ý ly hôn với bà V. Đồng thời vợ chồng còn có 02 con chung cần cả cha mẹ chăm sóc, nếu ly hôn con cái sẽ thiếu cha mẹ chăm sóc, cho nên không thể ly hôn được. Trước đây sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhau thì vì nóng tính nên ông L có bạo lực đánh bà V vài lần, nhưng chuyện này xảy ra từ rất lâu rồi và vợ chồng cũng đã hòa giải với nhau. Do tính ông L vô tâm nên nhiều khi có những lời nói làm bà V buồn chứ ông L chưa bao giờ nói là bà V bị bệnh thì tự mà lo. Ông L không đồng ý ly hôn với bà V là vì tình cảm của ông L với bà V vẫn còn, vợ chồng vẫn có thể hàn gắn. Còn vấn đề tiền bạc nếu vợ chồng ly hôn thì khoản người ta nợ sẽ mất vì hai vợ chồng còn chung sống và có ông L đòi thì người ta mới trả. Con chung cần cả ông L và bà V chăm sóc nên vợ chồng không thể ly hôn. Do đó ông L không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung : Ông L và bà V có 02 con chung là cháu Phan Trần Tuyết V1, sinh ngày 29/01/2009 và cháu Phan Trần Đắc L1, sinh ngày 10/10/2016. Không đồng ý ly hôn do vậy ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không đồng ý ly hôn, do vậy ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ V và ông Phan Đắc L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên vào ngày 09/8/2007. Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà V và ông L là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà V và ông L đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa bà V và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần. Bà V và ông L đã có cãi vã xúc phạm lẫn nhau thậm chí ông L còn có hành vi bạo lực đánh bà V. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông L đến Tòa án để hòa giải với bà V và tham gia phiên tòa nhưng ông L không đến, điều này cho thấy ông L không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Bà V xác định hiện không còn tình cảm gì với ông L và cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông L. Tất cả những điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông L đã rất lớn, hôn nhân giữa bà V và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung : Bà V và ông L có 02 con chung là cháu Phan Trần Tuyết V1, sinh ngày 29/01/2009 và cháu Phan Trần Đắc L1, sinh ngày 10/10/2016. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Bà V giao cháu V1 cho ông L nuôi dưỡng, bà V không cấp dưỡng nuôi con. Cháu V1 có mong muốn được sống với ông L do đó chấp nhận yêu cầu của bà V, giao cháu V1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng ; bà V và ông L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông L không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ V đối với bị đơn ông Phan Đắc L về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Bà Trần Thị Mỹ V được ly hôn với ông Phan Đắc L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Tuyết V1, sinh ngày 29/01/2009 cho ông Phan Đắc L trực tiếp nuôi dưỡng ; giao cháu Phan Trần Đắc L1, sinh ngày 10/10/2016 cho bà Trần Thị Mỹ V trực tiếp nuôi dưỡng ; bà V và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà V và ông L đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp do vậy không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2016/0054555 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh